

Bản án số: 849/2025/HS-PT
Ngày: 24/12/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên.

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Thương Huyền

2. Bà Phạm Uyên Thy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vinh, bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 680/2025/TLPT-HS ngày 05/11/2025 đối với các bị cáo Nguyễn Đình T, Dương Hiếu L, Nguyễn Trí K, Trương Ngọc K1, Lê Mậu Tuấn P, Lương Quang T1, Trần Lê Duy L1, Giang Thiệu C, Lê Nguyễn Minh T2, Nguyễn Minh Q, Lâm Trung N, Nguyễn Thanh C2, Phạm T3, Phạm Quang S, Huỳnh Ngọc V, Nguyễn Minh Đ, Lê Hoàng V1, Lê Thanh T4, Vũ Văn Đ1 do có kháng cáo của các bị cáo, kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần ô tô G, kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 183/2025/HS-ST ngày 22/09/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Nguyễn Đình T; Giới tính: Nam; Sinh ngày 09/12/1973, tại: tỉnh Đ; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 2 đường s, ấp 2, xã Bình H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là đường s, ấp 2, xã Bình H, Thành phố Hồ Chí Minh); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Giám đốc - Trung tâm S (đã nghỉ hưu); Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, Huyện ủy huyện Bình Chánh đình chỉ sinh hoạt đảng từ ngày 17/7/2023 đến khi kết thúc việc truy tố, xét xử; con ông: Nguyễn Phước T và bà Vũ Thị T; bị cáo có vợ và có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; (Bị cáo có mặt).

2. Dương Hiếu L; Giới tính: Nam; Sinh ngày 02/8/1971, tại: tỉnh H (nay là Thành phố C); Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 34 đường Lạc Long Q, phường

H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Phó Giám đốc - Trung tâm 50-01S; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị khai trừ ra khỏi Đảng ngày 14/3/2025; Con ông Dương T và bà Trần Thị T; Bị cáo có vợ và có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt)*.

3. Trương Ngọc K1; Giới tính: Nam; Sinh ngày 12/7/1965, tại: Thành phố Hà Nội; Hộ khẩu thường trú: 76 Cách Mạng T, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: 319 Chiến L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Đảng kiểm viên (đã nghỉ hưu); Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Ngày 23/10/2023 khai trừ ra khỏi Đảng; con ông: Trương Văn B và bà Vũ Thị X; Bị cáo có vợ và có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/4/2023 đến ngày 02/9/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt)*.

4. Lê Mậu Tuấn P; Giới tính: Nam; Sinh ngày 18/12/1969, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 149 Đất T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 37 đường Bùi Thế M, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Đảng kiểm viên; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị khai trừ ra khỏi Đảng ngày 14/3/2025; con ông Lê Mậu T và bà Trương Thị Quế P; Bị cáo có vợ và 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; *(Bị cáo có mặt)*.

5. Lương Quang T1; Giới tính: Nam; Sinh ngày 02/8/1972; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú, chỗ ở: 16 Tây T, phường Tây T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Đảng kiểm viên (đã nghỉ hưu); con ông Lương Văn T và bà Đặng Thị Đ; Bị cáo có vợ và 01 con, sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt)*.

6. Nguyễn Trí K; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01/01/1980, tại: tỉnh T (nay là tỉnh Đ); Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 161 Lạc Long Q, phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Đảng kiểm viên; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị khai trừ ra khỏi Đảng ngày 17/3/2025; con ông Nguyễn Văn R và bà Võ Thị H; Bị cáo có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt)*.

7. Huỳnh Ngọc V; Giới tính: Nam; Sinh ngày 23/10/1976, Tại: tỉnh Q; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: C2 hộ 06 Tầng s, C/c C, số 2 Bình P, phường Bình P,

Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Đảng kiểm viên; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị khai trừ ra khỏi Đảng ngày 14/3/2025; con ông Huỳnh Ngọc S và bà Phan Thị H; Bị cáo có vợ và 01 con, sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt)*.

8. Lâm Trung N; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01/9/1993, tại: tỉnh Đ; Hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã T, huyện K, tỉnh Đ (nay là xã Tân Tiến, tỉnh Đ); Chỗ ở: căn hộ A2 Chung cư H, địa chỉ 48A đường Dương Thị M, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Đảng kiểm viên; con ông Lâm HH và bà Trần Thị T; Bị cáo có vợ và 01 con, sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt)*.

9. Phạm Quang S; Giới tính: Nam; Sinh ngày 16/9/1990, tại: tỉnh Đ; Hộ khẩu thường trú: 190 Võ Văn H, tổ 3, phường L, TP.T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: 158 Võ Văn H, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Đảng kiểm viên; con ông Phạm Doãn Đ và bà Lê Thị H; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt)*.

10. Nguyễn Thanh C2; Giới tính: Nam; Sinh ngày 29/9/1985, tại: tỉnh T (nay là tỉnh Đ); Hộ khẩu thường trú: Ấp Cầu D, xã M, thị xã C, tỉnh T (nay là phường M, tỉnh Đ); Chỗ ở: căn hộ 4 Lô A, Chung cư N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Đảng kiểm viên; con ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị M; Bị cáo có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt)*.

11. Phạm T3; Giới tính: Nam; Sinh ngày 31/10/1984, tại: tỉnh N; Hộ khẩu thường trú: B2 đường Trương Văn Đ, tổ 2, ấp 2, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: D9.04 Chung cư N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Đảng kiểm viên; con ông Phạm Văn Đ và bà Lê Thị H; Bị cáo có vợ và 01 con, sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt)*.

12. Nguyễn Minh Q; Giới tính: Nam; Sinh ngày 16/02/1980, tại: Đắc Lắc; Hộ khẩu thường trú: 71 Huỳnh Khương A, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: 28 Lê Văn Q, Khu phố 1, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Đảng kiểm

viên; con ông Nguyễn Minh S và bà Nguyễn Thị Đ; Bị cáo có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt)*.

13. Trần Lê Duy L1; Giới tính: Nam; Sinh ngày 12/7/1979, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 10 đường Cách Mạng T. Phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: F9, ấp 6, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã V, Thành phố Hồ Chí Minh); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Đảng viên; con ông Trần Duy B và bà Lê Thị Bích H; Bị cáo có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt)*.

14. Lê Nguyễn Minh T2; Giới tính: Nam; Sinh ngày 27/11/1993, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú, chỗ ở: 26 Dân C, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Đảng viên; con ông Lê Trung C và bà Nguyễn Thị Thúy H; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt)*.

15. Nguyễn Minh Đ; Giới tính: Nam; Sinh ngày 17/12/1984, tại: K; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 685 Xô V, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Đảng viên; con ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị H; Bị cáo có vợ và 02 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt)*.

16. Lê Hoàng V1; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01/7/1987, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 289 Bình Đ, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Đảng viên; con ông Lê Hoàng N và bà Hồ Thị Mỹ D; Bị cáo có vợ và 01 con, sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt)*.

17. Giang Thiệu C; Giới tính: Nam; Sinh ngày 29/02/1972, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 2 Chung cư đường HB, Phường 12, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh); Chỗ ở: 61 đường Liên k, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Đảng viên; con ông Phùng B và bà Giang H; Bị cáo có vợ và 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt)*.

18. Lê Thanh T4; Giới tính: Nam; Sinh ngày 07/6/1980, tại: T (nay là tỉnh V); Hộ khẩu thường trú: Ấp Tân K, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã H, tỉnh V); Chỗ ở: số 36 đường số 15, khu dân cư N, phường A, Thành phố Hồ Chí

Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Chuyên viên đối ngoại - Công ty cổ phần sản xuất nhựa D; con ông Lê Văn T và bà Lê Thị M; Bị cáo có vợ, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (*Bị cáo có mặt*).

19. V Văn Đ; Giới tính: Nam; Sinh ngày 02/7/1980, tại: tỉnh N; Hộ khẩu thường trú: Xóm P, xã H, huyện Y, tỉnh N (xã Đ, tỉnh N); Chỗ ở: Số 738 Quốc lộ 1, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số 73 đường Lê Đ phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Phó giám đốc Xí nghiệp cơ khí sửa chữa - Công ty Cổ phần sản xuất thương mại S (Bê tông S); con ông Vũ Văn D và bà Đinh Thị T; Bị cáo có vợ và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (*Bị cáo có mặt*).

Người bào chữa:

1/ Ông Tô Bá T– Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Lê Nguyễn Minh T2 (có mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị HH– Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Lê Thanh T4 (có mặt).

3/ Ông Nguyễn D và bà Võ Anh TLuật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Huỳnh Ngọc V (xin vắng mặt).

4/ Ông Lê Mạnh C– Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trí K (có mặt).

5/ Ông Tôn Thất Hồ N- Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Giang Thiếu C (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

Công ty cổ phần ô tô G

Địa chỉ: Lô D5, đường số 1, khu công nghiệp, xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: bà Lưu Mỹ V

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đức T4 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp Công ty cổ phần ô tô G: Ông Lê Quang T – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận B tiếp nhận Đơn đầu thú của Trương Ngọc K1, là Đảng viên, Chuyên trưởng của

Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới S là doanh nghiệp nhà nước hoạt động đơn vị sự nghiệp có thu, có 04 dây chuyền kiểm định và tùy công đoạn các chuyền trưởng và các Đăng kiểm viên thay đổi nhau; địa chỉ: Lô 13 đường số 7, Khu Công nghiệp T mở rộng, phường TA, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (hiện K1 đã nghỉ việc ngày 17/01/2023) về hành vi K1 “Nhận hối lộ” của các chủ xe, lái xe ô tô đến đăng kiểm tại Trung tâm S để bỏ qua các lỗi vi phạm như: khí xả không đạt, hệ thống đèn tín hiệu bị hư bể, hệ thống đèn phanh cũ mờ, cường độ ánh sáng không đạt, xe bị lỗi độ ồn còi, xe bị lỗi cản sau lắp không chắc, cản sau bị đứt mối hàn,... Ngày 01/04/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận B tiến hành Khám xét khẩn cấp Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới S. Qua khám xét, đã thu giữ hồ sơ, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan nên tiến hành mời Giám đốc, Phó Giám đốc, các Đăng kiểm viên và Chuyên trưởng phụ trách chuyên: Nguyễn Đình T, giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm từ ngày 18/4/2017 đến 27/12/2022 (hiện T đã nghỉ việc); Dương Hiếu L, Phó Giám đốc Trung tâm Đăng kiểm từ ngày 14/6/2019 cho đến khi bị phát hiện hành vi phạm tội đến Cơ quan điều tra để điều tra làm rõ.

** Trong lĩnh vực đăng kiểm xe ô tô của Công ty Nhựa D:* Năm 2022 Trương Ngọc K1 - Đăng kiểm viên của Trung tâm S (Chuyên trưởng) đã bàn bạc, thống nhất với Lê Thanh T4 - nhân viên Công ty cổ phần sản xuất Nhựa D về việc bỏ qua các lỗi vi phạm tiêu chuẩn kiểm định khi xe của Công ty Nhựa D đến Trung tâm S đăng kiểm, đổi lại tùy loại xe T4 sẽ trả cho K1 một khoản tiền khi xe đến đăng kiểm: (xe ô tô tải trên 2,5 tấn là 350.000 đồng/01 lượt xe, xe ô tô tải dưới 2,5 tấn là 300.000 đồng/01 lượt) để được các Đăng kiểm viên xác nhận (kết luận) vào giấy kiểm định xe là đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định nhằm thu lợi bất chính. Sau đó, K1 tiếp tục bàn bạc, thống nhất với các Đăng kiểm viên trong Trung tâm S mỗi khi xe của Công ty Nhựa D đem đến kiểm định sẽ bỏ qua các lỗi tiêu chuẩn kiểm định như khí xả không đạt, hệ thống đèn tín hiệu bị hư bể, hệ thống đèn phanh cũ mờ, cường độ ánh sáng không đạt, xe bị lỗi độ ồn còi, xe bị lỗi cản sau lắp không chắc, cản sau bị đứt mối hàn,... và đã kết luận đạt chuẩn theo quy định cho 231 lượt xe ô tô các loại của Công ty Nhựa D đem đến kiểm định. T4 đã đưa cho K1 tổng số tiền 76.050.000 đồng (nhận chuyển khoản số tiền là 64.250.000 đồng, nhận tiền mặt là 11.800.000 đồng). Trong đó có 14 lượt bằng hình thức chuyển khoản với số tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.150.000 đồng. Cụ thể: ngày 25/02/2022 chuyển khoản 2.000.000 đồng, ngày 10/03/2022 chuyển khoản 2.000.000 đồng, ngày 05/05/2022 chuyển khoản 2.000.000 đồng, ngày 30/05/2022 chuyển khoản 2.050.000 đồng, ngày 05/06/2022 chuyển khoản 2.000.000 đồng, ngày 04/08/2022 chuyển khoản 2.000.000 đồng, ngày 07/8/2022 chuyển khoản 2.400.000 đồng, ngày 17/08/2022 chuyển khoản 3.150.000, ngày 22/08/2022 chuyển khoản 2.000.000 đồng, ngày 11/10/2022 chuyển 2.000.000 đồng, ngày 26/10/2022 chuyển khoản 2.000.000 đồng, ngày 18/11/2022 chuyển khoản 2.000.000 đồng, ngày 08/12/2022 chuyển khoản 2.000.000 đồng, ngày 10/12/2022 chuyển khoản 2.050.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ T4, K1 lấy riêng cho mình 100.000 đồng/01 lượt xe, số còn lại cuối ngày làm việc K1 giao lại

tiền cho Nguyễn Thanh C2 (là Đăng kiểm viên) để chia đều cho các Đăng kiểm viên trong các chuyên và Giám đốc, Phó giám đốc của Trung Tâm; riêng Chuyên trưởng thì nhận thêm 50% số tiền của một Đăng kiểm viên được hưởng. Số tiền K1 lấy riêng là 23.100.000 đồng. Số tiền còn lại được chia theo tỷ lệ mỗi chuyên theo số lượng xe của công ty Nhựa D vào đăng kiểm. Đối với chuyên có 03 Đăng kiểm viên (đã bao gồm Chuyên trưởng) trong ngày, số tiền sẽ được chia thành 6,5 phần bằng nhau, trong đó Trưởng chuyên được hưởng 1.5 phần (nếu phụ trách thêm Công đoạn được thêm 0.5 phần), Đăng kiểm viên được 1 phần (nếu phụ trách thêm Công đoạn được thêm 0.5 phần), Giám đốc Nguyễn Đình T được 01 phần, Phó Giám đốc Dương Hiếu L được 1 phần; đối với chuyên có 04 đăng kiểm viên (đã bao gồm Chuyên trưởng) trong ngày, số tiền sẽ được chia thành 7 phần bằng nhau, trong đó: Trưởng chuyên được hưởng 1.5 phần (nếu phụ trách thêm Công đoạn được thêm 0.5 phần), Đăng kiểm viên được 1 phần (nếu phụ trách thêm Công đoạn được thêm 0.5 phần), Giám đốc Nguyễn Đình T được 01 phần, Phó Giám đốc Dương Hiếu L được 1 phần. Cụ thể:

- Dây chuyên của Nguyễn Trí K, Đăng kiểm viên - chuyên trưởng, Trần Lê Duy L1, Giang Thiệu C, Lê Nguyễn Minh T2 có 3 lượt xe Công ty Nhựa D vào đăng kiểm. K được chia 139.286 đồng, L1 được chia 121.429 đồng, C được chia 92.857 đồng, T2 được chia 110.714 đồng.

- Dây chuyên của Trương Ngọc K1, Đăng kiểm viên - chuyên trưởng, Lâm Trung N, Nguyễn Thanh C2, Nguyễn Minh Q, Phạm T3 có 124 lượt xe Công ty Nhựa D vào đăng kiểm. K1 được chia số tiền 7.126.429 đồng (124 lượt xe), N được chia 5.074.029 đồng (123 lượt xe), C2 được chia 3.837.491 đồng (117 lượt xe), Q được chia 3.952.601 đồng (117 lượt xe), Phạm T3 được chia 258.095 đồng (08 lượt xe).

- Dây chuyên của Lê Mậu Tuấn P, Đăng kiểm viên - chuyên trưởng, Lê Nguyễn Minh T2, Phạm T3, Nguyễn Thanh C2, Phạm Quang S, Nguyễn Minh Q, Trần Lê Duy L1, Trương Ngọc K1 đã có 48 lượt xe Công ty Nhựa D vào đăng kiểm có lỗi vi phạm đăng kiểm được bỏ qua để chấm đạt kiểm định. P được chia số tiền 2.982.308 đồng (48 lượt xe), T2 được chia 69.231 đồng (02 lượt xe), T3 được chia 1.726.923 (38 lượt xe), C2 được chia 124.103 (04 lượt xe), S được chia 2.516.410 (48 lượt xe), Q được chia 177.949 đồng (05 lượt xe), L1 được chia 92.308 đồng (02 lượt xe), K1 được chia 93.333 đồng (03 lượt xe).

- Dây Chuyên của Lương Quang T1, Đăng kiểm viên - chuyên trưởng, Nguyễn Minh Đ, Huỳnh Ngọc V, Lê Hoàng V1 và Lâm Trung N có 16 lượt xe ô tô các loại của Công ty Nhựa D đưa vào đăng kiểm và có bỏ qua lỗi vi phạm khi xe đến đăng kiểm để cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn đăng kiểm. T1 được chia số tiền 759.890 đồng (16 lượt xe), Đ được chia 634.890 đồng (16 lượt xe), V được chia 324.725 đồng (10 lượt xe), Việt được chia 631.593 đồng (15 lượt xe), N được chia 135.714 đồng (04 lượt xe).

- Dây chuyền của Phạm T3, Đăng kiểm viên - chuyên trưởng, Lâm Trung N, Nguyễn Minh Q có 01 lượt xe ô tô của Công ty Nhựa D đưa vào đăng kiểm và có bỏ qua lỗi vi phạm khi xe đến đăng kiểm để cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn đăng kiểm. Mỗi Đăng kiểm viên được chia số tiền 57.692 đồng (01 lượt xe).

- Dây chuyền của Huỳnh Ngọc V, Đăng kiểm viên - chuyên trưởng, Nguyễn Minh Q, Lâm Trung N, Nguyễn Thanh C2, Trương Ngọc K1 có 38 lượt xe ô tô của Công ty Nhựa D đưa vào đăng kiểm và có bỏ qua lỗi vi phạm khi xe đến đăng kiểm để cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn đăng kiểm. V được chia số tiền 1.898.352 đồng (38 lượt xe), Q được chia 1.324.176 đồng (38 lượt xe), N được chia 192.857 đồng (04 lượt xe), C2 được chia 1.743.407 đồng (38 lượt xe), K1 được chia 1.085.714 đồng (33 lượt xe).

- Dây chuyền của Nguyễn Minh Q, Đăng kiểm viên - chuyên trưởng, Trương Ngọc K1, Nguyễn Thanh C2, Lâm Trung N có 01 lượt xe ô tô của Công ty Nhựa D đưa vào đăng kiểm và có bỏ qua lỗi vi phạm khi xe đến đăng kiểm để cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn đăng kiểm. Q, N mỗi người được chia số tiền 42.857 đồng; K1, C2 mỗi người được chia 28.571 đồng.

Dương Hiếu L – Phó giám đốc trung tâm đăng kiểm biết việc các chủ phương tiện hoặc đại diện các công ty có xe đến kiểm định thường có mối quan hệ, quen biết trước với Chuyên trưởng hoặc Đăng kiểm viên. Khi các phương tiện vi phạm các lỗi thì các chủ xe sẽ đưa tiền cho Chuyên trưởng hoặc Đăng kiểm viên để bỏ qua lỗi vi phạm (chấm đạt kiểm định) để được hưởng số tiền khoảng từ 200.000 đồng - 300.000 đồng trên một phương tiện. Số tiền Lợi nhận được từ các chuyên đưa để bỏ qua lỗi vi phạm của các xe ô tô Công ty Nhựa D khi đến Đăng kiểm trong năm 2022 là 7.703.626 đồng.

Nguyễn Đình T - Giám đốc Trung tâm đăng kiểm biết việc các Chuyên trưởng và Đăng kiểm viên có thỏa thuận bỏ qua các lỗi vi phạm của các xe đến kiểm định để nhận tiền từ chủ xe. Lương Quang T1 sẽ nhận tiền từ các Dây chuyền, sau đó hàng tháng đưa cho T. Số tiền T nhận được từ việc các Đăng kiểm viên bỏ qua lỗi của xe ô tô Công ty Cổ phần sản xuất Nhựa D đến đăng kiểm trong năm 2022 là 7.703.626 đồng. T với vai trò giám đốc trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Slà người ký phân công nhiệm vụ cho bị cáo Lợi – Phó giám đốc chịu trách nhiệm toàn bộ việc đăng kiểm của xe cơ giới và bị cáo Lợi là người ký cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của chủ phương tiện, trường hợp bị cáo Lợi đi công tác, công việc đột xuất thì T chịu trách nhiệm toàn bộ việc đăng kiểm của xe cơ giới và là người ký cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của chủ phương tiện.

* Trong lĩnh vực kiểm định các phương tiện ô tô của Công ty Cổ phần sản xuất thương mại S (Bê tông S): Năm 2022, Nguyễn Trí K - Đăng kiểm viên của Trung tâm đăng kiểm S và Vũ Văn Đ1- nhân viên của Công ty Cổ phần sản xuất

thương mại Sài Gòn thỏa thuận với nhau là khi xe ô tô của Công ty S đưa vào trung tâm đăng kiểm thì sẽ bỏ qua các lỗi vi phạm và chấm đạt đăng kiểm; đổi lại, K sẽ nhận được 350.000 đồng/01 lượt xe từ Đường. Sau đó, K bàn bạc với các Đăng kiểm viên Giang Thiệu C, Trần Lê Duy L1, Lê Nguyễn Minh T2 là khi xe của Công ty S đến đăng kiểm thì bỏ qua các lỗi vi phạm và chấm “Đạt” tiêu chuẩn đăng kiểm để nhận được 300.000 đồng/01 lượt xe thì C, L1, T2 cùng thống nhất thực hiện. Trong năm 2022, có 22 lượt xe ô tô các loại của Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Sài Gòn đưa vào chuyên của K, C, L1, T2 đăng kiểm và có bỏ qua lỗi vi phạm khi đăng kiểm để cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn đăng kiểm. K đã nhận của Đường tổng số tiền 7.700.000 đồng, K lấy riêng 1.100.000 đồng, còn 6.600.000 đồng được chia cho T2 1.326.923 đồng, C 979.121 đồng, L1 947.802 đồng, K 1.434.066 đồng, Dương Hiếu L 956.044 đồng, Nguyễn Đình T 956.044 đồng (được đưa thông qua Lương Quang T1).

** Trong lĩnh vực kiểm định các phương tiện ô tô của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên dịch vụ vận tải L:* Năm 2022 Lê Mậu Tuấn P đã thỏa thuận với Phan Thành M là Trưởng phòng Phòng hành chính nhân sự - Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải L về việc khi xe của Công ty L đến đăng kiểm tại Trung tâm S dù xe có lỗi hay không có lỗi và để đăng kiểm nhanh thì P sẽ lấy 300.000 đồng/01 lượt phương tiện đưa đến kiểm định. Sau đó, P nói cho các Đăng kiểm viên trong trung tâm S biết thì tất cả đều thống nhất thực hiện khi xe của Công ty L là bên hông xe có logo của Công ty L thì dù xe có lỗi hay không có lỗi và để đăng kiểm nhanh đều chấm đạt đăng kiểm. Sau khi thỏa thuận với P, Minh đã yêu cầu bà Lê Thị Mỹ Q5 là thủ quỹ của Công ty L, phụ trách toàn bộ chi phí cho thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động của phương tiện cơ giới đường bộ, trong đó có việc kiểm định xe ô tô của Công ty chuyển tiền phí đăng kiểm, phí bảo hiểm, phí đường bộ, đồng thời chuyển cho P 300.00 đồng/01 lượt phương tiện. Sau đó, khoảng tháng 4/2022, Minh yêu cầu Q5 chuyển 600.000 đồng vào tài khoản số 105867914530, chủ tài khoản Lê Mậu Tuấn P. Q5 đã sử dụng tài khoản số 23994737, chủ tài khoản Lê Thị Mỹ Quyên, mở tại Ngân hàng ACB để chuyển, khi chuyển tiền bà Q5 có ghi nội dung “phí 2 xe”. Sau đó, M có cho bà Q5 số điện thoại của P để liên hệ đăng kiểm xe. Mỗi lần xe của Công ty đi kiểm định, thì lái xe thông tin cho bà Q5 phí phải đóng và bà Q5 chuyển tiền vào tài khoản của Chiêm Kim R là nhân viên thu tiền của Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới S. Riêng số tiền 300.000 đồng/một lượt xe M yêu cầu bà Q5 chuyển trực tiếp vào tài khoản số 105867914xxx của bị cáo P, khi chuyển tiền bà Q5 ghi nội dung “phí xe hoặc phí DV”. Tổng số tiền bà Q5 chuyển là 8.700.000 đồng/29 lượt phương tiện xe ô tô của Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải L đến Trung tâm S để đăng kiểm.

Tổng số tiền P nhận từ M là 8.700.000 đồng, trong đó P lấy riêng số tiền 2.900.000 đồng, số tiền 5.800.000 đồng còn lại được chia theo tỉ lệ cho các Đăng kiểm viên tham gia kiểm định. Cụ thể, T, Lợi mỗi người được hưởng 872.821 đồng; K1 được hưởng 114.286 đồng; K được hưởng 125.714 đồng; T3 được hưởng 870.330 đồng; S được hưởng 1.054.994 đồng; C2 được hưởng

57.113 đồng; T2 được hưởng 159.663 đồng; C được hưởng 258.335 đồng; L1 được hưởng 98.095 đồng; Q được hưởng 57.143 đồng; N được hưởng 57.143 đồng; P được hưởng 1.201.392 đồng.

** Trong lĩnh vực kiểm định lần thứ 2:* Năm 2022, các bị cáo Nguyễn Đình T, Trương Ngọc K1, Dương Hiếu L, Nguyễn Minh Q, Lâm Trung N, Nguyễn Thanh C2, Lê Mậu Tuấn P, Phạm Quang S, Phạm T3, Nguyễn Trí K, Giang Thiệu C, Lê Nguyễn Minh T2, Trần Lê Duy L1, Lương Quang T1, Huỳnh Ngọc V, Lê Hoàng V1, Nguyễn Minh Đ có 2.249 lượt phương tiện xe ô tô của các chủ phương tiện đem đến Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới S kiểm định nhưng không đạt tiêu chuẩn được chứng nhận kiểm định lần 1 nên phải thực hiện kiểm định lần 2. Kết quả điều tra xác định được 792 phương tiện xe ô tô kiểm định lần 2 có những lỗi vi phạm như khí xả không đạt, thiết bị hành trình giám sát không truy cập được, hệ thống sai lệch lực phanh... và nhận số tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/01 lượt phương tiện xe ô tô để bỏ qua các lỗi vi phạm và chứng nhận đạt đăng lần hai. Căn cứ các tài liệu thu thập, lời khai nhận của các bị cáo xác định tổng số tiền các bị cáo T, K1, Lợi, Q, N, C2, P, S, T3, C, T2, L1, T1, V, V1, Đ, K đã nhận tiền để bỏ qua lỗi vi phạm của 792 lượt phương tiện xe ô tô kiểm định lần 2 là: 134.600.000 đồng.

** Trong lĩnh vực xe cải tạo:* Năm 2022, Đặng Quang T5 (Sinh năm: 1981, HKTT: Tổ 1, ấp L, xã M, huyện C, tỉnh L) là nhân viên của Công ty cổ phần ô tô G (hiện nay T5 đã bỏ trốn) thỏa thuận với Lương Quang T1 (Đăng kiểm viên Trung tâm S) khi xe của Công ty cổ phần ô tô G đến nghiệm thu cải tạo và kiểm định thì T5 sẽ đưa số tiền là 1.600.000 đồng/01 lượt xe. Qua hồ sơ xác định, có 49 lượt phương tiện xe ô tô của Công ty cổ phần ô tô G đến Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới S để nghiệm thu cải tạo xe cơ giới và kiểm định. Tổng số tiền T5 đã đưa cho T1 là 78.400.000 đồng, trong đó có đưa tiền mặt và chuyển khoản.

Trong số 78.400.000 đồng được chia cụ thể: Nguyễn Đình T nhận được 30.116.630 đồng, Dương Hiếu L nhận được 20.316.630 đồng, Lương Quang T1 nhận được 10.874.495 đồng, Huỳnh Ngọc V nhận được 10.570.476 đồng, Nguyễn Minh Đ nhận được 910.037 đồng, Lê Hoàng V1 nhận được 628.718 đồng, Nguyễn Thanh C2 nhận được 46.154 đồng, Phạm Quang S nhận được 13.333 đồng, Nguyễn Minh Q nhận được 23.027 đồng. Riêng Đặng Quang T5 được bị cáo T1 đưa lại 4.900.000 đồng (100.000 đồng/01 xe).

** Trong lĩnh vực đấu thầu về hành vi “Nhận hối lộ” của Nguyễn Đình T - Giám đốc Trung tâm đăng kiểm S:* Từ tháng 01/2018 đến tháng 5/2020, T đã tổ chức thực hiện mua sắm, nâng cấp thiết bị đăng kiểm của Trung tâm Đăng kiểm S bằng hình thức đấu thầu với Công ty TNHH V, việc đấu thầu chỉ là hình thức. T liên hệ với ông Đàm Ngọc H – Phó Giám đốc Công ty V (hiện đang định cư tại Hà Lan) để yêu cầu chào giá bán thiết bị và thỏa thuận chi ngoài hợp đồng cho T số tiền với tỷ lệ 5%/tổng trị giá hợp đồng (chưa VAT). Thông qua hai nhà thầu vệ tinh của công ty V là Công ty Đ và Công ty TNHH Thiết bị và Công nghệ K cung cấp chào giá khổng lồ cho Công ty TNHH V được trúng thầu 03

lần. T được hưởng lợi tổng số tiền 104.202.500 đồng của Công ty TNHH V. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 12/12/2017, Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới S có Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu “Thiết bị kiểm tra trên dây chuyền kiểm định” gồm Thiết bị kiểm tra khí xả động cơ xăng và Bộ đo tốc độ, trị giá gói thầu: 616.935.000 đồng, bằng hình thức chào hàng cạnh tranh. Từ ngày 04/01/2018 đến ngày 11/01/2018, Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới S tiến hành thông báo mời thầu. Đến ngày 11/01/2018, mặc dù chỉ có 01 đơn vị là Công ty TNHH V nhà thầu nộp hồ sơ đấu thầu nhưng Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới S vẫn lập biên bản đóng thầu, lập biên bản mở thầu với nội dung Công ty TNHH V tham gia dự thầu với giá 616.495.000 đồng.

Ngày 27/01/2018, Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới S ký Quyết định số 03/QĐ-TTĐK5001S về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, đơn vị trúng thầu: Công ty TNHH V, giá trúng thầu: 616.495.000 đồng (giá gói thầu đưa ra là 616.935.000 đồng). Khoảng giữa tháng 3/2018, ông Đàm Ngọc H đến phòng làm việc của bị cáo T đưa số tiền 28.022.500 đồng theo thỏa thuận ban đầu giữa T và ông H – Phó Giám đốc Công ty V.

Lần 2: Ngày 28/01/2019, Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới S có Quyết định số 03/QĐ-TTĐDK5001S về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu “Thiết bị kiểm tra khí xả và thiết bị kiểm tra đèn” với trị giá gói thầu là 713.900.000 đồng, bằng hình thức Chào hàng cạnh tranh. Từ ngày 04/03/2019 đến ngày 11/03/2019, Trung tâm Tiến hành thông báo mời thầu. Ngày 11/03/2018, Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới S lập biên bản mở thầu, Hồ sơ dự thầu gồm: Công ty TNHH V có giá dự thầu: 713.900.000 đồng, Công ty Đ có giá dự thầu 732.600.000 đồng, Công ty TNHH Thiết bị và Công nghệ K có giá chào thầu 723.900.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty Đ và Công ty TNHH Thiết bị và Công nghệ K tham gia chào thầu cùng Công ty V là 2 nhà thầu phụ của Công ty V đưa vào nhằm chào giá khống, cao hơn giá Công ty V để Công ty V được trúng thầu. Ông Đàm Quang C - Giám đốc Công ty TNHH Đ là em ruột của ông Đàm Ngọc H (chồng của bà Trần Thị M) và ông Phan Ngọc An (nhân viên cũ của Công ty V) là chồng của bà Nguyễn Thị Thu Vân – Giám đốc Công ty TNHH Thiết bị và Công nghệ K được các nhân viên của Công ty V nộp hồ sơ dự thầu.

Ngày 16/4/2019, Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới S có Quyết định số 06/QĐ-TTĐK5001S về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, đơn vị trúng thầu: Công ty TNHH V, giá trúng thầu: 713.900.000 đồng (giá gói thầu đưa ra là 713.900.000 đồng). Khoảng cuối tháng 5/2019, sau khi thanh lý hợp đồng, Đàm Ngọc H đến Phòng làm việc của T và đưa số tiền 32.450.000 đồng theo thỏa thuận ban đầu giữa T và ông H- Phó Giám đốc Công ty V.

Lần 3: Tương tự lần 2, do ông Đàm Ngọc H đã định cư tại Hà Lan, bị cáo T đã liên hệ với ông Trần Thái S – Phó Giám đốc Công ty TNHH V để yêu cầu báo giá và thỏa thuận chi ngoài hợp đồng cho bị cáo T số tiền mặt 5% / tổng trị giá

hợp đồng (chưa thuế VAT). Ngày 06/9/2019, Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Scó Quyết định số 14/QĐ-TTĐK về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu “Bộ thiết bị nâng cấp máy phanh MB 8100” với trị giá gói thầu là 963.738.600 đồng, bằng hình thức Chào hàng cạnh tranh. Từ ngày 19/9/2019 đến ngày 26/9/2019, Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Stiến hành thông báo mời thầu. Ngày 26/9/2019, Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới S lập biên bản mở thầu, Hồ sơ dự thầu gồm: Công ty TNHH V có giá dự thầu: 962.060.000 đồng, Công ty Đ có giá dự thầu 965.459.000 đồng, Công ty TNHH Thiết bị và Công nghệ K có giá chào thầu 979.512.600 đồng. Ngày 02/10/2019, Trung tâm đăng kiểm S có Quyết định số 19/QĐ-TTĐK về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, đơn vị trúng thầu: Công ty TNHH V, giá trúng thầu: 962.060.000 đồng (Giá gói thầu đưa ra là 963.738.600 đồng). Sau khi thanh lý hợp đồng, giữa tháng 8/2020, ông Trần Thái Sơn đến phòng làm việc của bị cáo T và đưa cho bị cáo số tiền 43.730.000 đồng theo thỏa thuận ban đầu giữa T và ông H– Phó giám đốc Công ty TNHH V.

Trong lĩnh vực bán bảo hiểm về hành vi “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” của Nguyễn Đình T - Giám đốc Trung tâm đăng kiểm S: Từ năm 2018 đến năm 2022, Nguyễn Đình T đã thỏa thuận với Hoàng Thị T7, Nguyễn Thị N7 (hiện đã chết) là nhân viên của Công ty Bảo hiểm B-Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh về việc khi ký hợp đồng đại lý bán sản phẩm bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bảo hiểm người ngồi trên xe ô tô thì ngoài số tiền chi hoa hồng theo hợp đồng cho Trung tâm 50-01S, Ngà và Thủy sẽ phải trích ra từ 3% đến 5% trên tổng số tiền bán bảo hiểm cho riêng T. Thỏa thuận xong, T đã chỉ đạo nhân viên của trung tâm ưu tiên bán bảo hiểm của Công ty Bảo hiểm B nhằm hưởng lợi tổng số tiền 619.748.130 đồng từ T7 và N7. Cụ thể:

- Năm 2018: số tiền là 181.164.961 đồng.
- Năm 2019: số tiền là 146.454.906 đồng.
- Năm 2020: số tiền là 105.242.546 đồng.
- Năm 2021: số tiền là 97.514.476 đồng.
- Năm 2022: số tiền là 89.371.241 đồng

Trách nhiệm dân sự thu hồi tài sản của các bị cáo thu lợi bất chính từ hành vi nhận hối lộ:

1. Bị cáo Nguyễn Đình T đã tự nguyện nộp lại số tiền hưởng lợi bất chính là 781.439.236 đồng, còn 1.790.991 đồng chưa nộp.
2. Bị cáo Dương Hiếu L đã tự nguyện nộp lại số tiền đã nhận hối lộ với số tiền là 48.624.650 đồng, còn 874.947 đồng chưa nộp.
3. Bị cáo Nguyễn Trí K đã tự nguyện nộp lại một phần tiền đã nhận hối lộ với số tiền là 2.752.367 đồng, còn 7.602.985 đồng chưa nộp.
4. Bị cáo Trương Ngọc K1 đã tự nguyện nộp lại toàn bộ tiền đã nhận hối lộ với số tiền là 39.747.674 đồng.

5. Bị cáo Lê Mậu Tuấn P đã tự nguyện nộp lại toàn bộ tiền đã nhận hối lộ với số tiền là 17.356.960 đồng.

6. Bị cáo Lương Quang T1 đã tự nguyện nộp lại toàn bộ tiền đã nhận hối lộ với số tiền là 17.983.736 đồng.

7. Bị cáo Nguyễn Thanh C2 đã tự nguyện nộp lại toàn bộ tiền đã nhận hối lộ với số tiền là 10.482.033 đồng.

8. Bị cáo Phạm T3 đã tự nguyện nộp lại toàn bộ tiền đã nhận hối lộ với số tiền là 10.216.996 đồng.

9. Bị cáo Phạm Quang S đã tự nguyện nộp lại toàn bộ tiền đã nhận hối lộ với số tiền là 12.244.761 đồng.

10. Bị cáo Lâm Trung N đã tự nguyện nộp lại toàn bộ tiền đã nhận hối lộ với số tiền là 13.919.744 đồng.

11. Bị cáo Trần Lê Duy L1 đã tự nguyện nộp lại toàn bộ tiền đã nhận hối lộ với số tiền là 7.482.894 đồng.

12. Bị cáo Giang Thiệu C đã tự nguyện nộp lại toàn bộ tiền đã nhận hối lộ với số tiền là 6.182.345 đồng.

13. Bị cáo Lê Nguyễn Minh T2 đã tự nguyện nộp lại toàn bộ tiền đã nhận hối lộ với số tiền là 7.438.113 đồng.

14. Bị cáo Nguyễn Minh Q đã tự nguyện nộp lại toàn bộ tiền đã nhận hối lộ với số tiền là 10.388.901 đồng.

15. Bị cáo Nguyễn Minh Đ đã tự nguyện nộp lại toàn bộ tiền đã nhận hối lộ với số tiền là 6.820.385 đồng.

16. Bị cáo Lê Hoàng V1 đã tự nguyện nộp lại toàn bộ tiền đã nhận hối lộ với số tiền là 6.633.022 đồng.

17. Bị cáo Huỳnh Ngọc V đã tự nguyện nộp lại toàn bộ tiền đã nhận hối lộ với số tiền là 14.288.791 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung đã nêu trên, lời khai của bị cáo thống nhất phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 183/2025/HS-ST ngày 22/09/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ điểm a, c, đ khoản 2 Điều 354; điểm b, c khoản 2 Điều 356; Điều 17; Điều 38; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T: 07 (bảy) năm tù về tội “Nhận hối lộ”; 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội danh là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ điểm a, c, đ khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 38; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

2. Xử phạt bị cáo Trương Ngọc K1: 03 (ba) năm tù về tội “Nhận hối lộ”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ vào thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/4/2023 đến ngày 02/9/2023.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 38; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

3. Xử phạt bị cáo Dương Hiếu L: 05 (năm) tù về tội “Nhận hối lộ”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 38; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

4. Xử phạt bị cáo Lê Mậu Tuấn P: 03 (ba) năm tù về tội “Nhận hối lộ”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 38; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

5. Xử phạt bị cáo Lương Quang T1: 03 (ba) năm tù về tội “Nhận hối lộ”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 38; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trí K: 03 (ba) năm tù về tội “Nhận hối lộ”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 38; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

7. Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc V: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”.

8. Xử phạt bị cáo Phạm Quang S: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”.

9. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh C2: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”.

10. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Q: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”.

11. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”.

12. Xử phạt bị cáo Lê Hoàng V1: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”.

13. Xử phạt bị cáo Lâm Trung N: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”.

14. Xử phạt bị cáo Phạm T3: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”

15. Xử phạt bị cáo Trần Lê Duy L1: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”

16. Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Minh T2: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”

17. Xử phạt bị cáo Giang Thiệu C: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 364; Điều 38; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

18. Xử phạt bị cáo Lê Thanh T4: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đưa hối lộ”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 364; Điều 38; điểm i, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

19. Xử phạt bị cáo V Văn Đường: 09 (chín) tháng tù về tội “Đưa hối lộ”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Phan Thành M, xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/10/2025, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị số 02/QĐ – VKS KV9 với nội dung kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 183/2025/HS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực A – TP.HCM về áp dụng tình tiết giảm nhẹ và quyết định hình phạt đối với các bị cáo Dương Hiếu L, Trương Ngọc K1, Lê Mậu Tuấn P, Lương Quang T1, Nguyễn Trí K, Nguyễn Minh Q, Lâm Trung N, Nguyễn Thanh C2, Phạm Quang S, Phạm T3, Giang Thiệu C, Lê Nguyễn Minh T2, Trần Lê Duy L1, Huỳnh Ngọc V, Nguyễn Minh Đ, Lê Hoàng V1, Lê Thanh T4; đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo trên (không bao gồm bị cáo K1); không áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo nêu trên.

Ngày 26/9/2025, bị cáo Nguyễn Đình T kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo,

Ngày 03/10/2025, bị cáo Dương Hiếu L kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt hưởng án treo.

Ngày 27/9/2025, bị cáo Lê Mậu Tuấn P kháng cáo xin xem xét hưởng án treo.

Ngày 03/10/2025, các bị cáo Lương Quang T1, Nguyễn Trí K kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt hưởng án treo.

Ngày 23/9/2025, bị cáo Lê Hoàng V1 kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt hưởng án treo.

Ngày 01/10/2025, bị cáo Trần Lê Duy L1 kháng cáo xin xem xét miễn hình phạt hoặc giảm nhẹ hình phạt hưởng án treo.

Ngày 29/9/2025, bị cáo Giang Thiều C kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt hưởng án treo.

Ngày 24/9/2025, bị cáo Lê Nguyễn Minh T2 kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt hưởng án treo.

Ngày 30/9/2025, bị cáo Nguyễn Minh Q kháng cáo xin xem xét hưởng án treo.

Ngày 01/10/2025, bị cáo Lâm Trung N kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt hưởng án treo.

Ngày 27/9/2025, bị cáo Nguyễn Thanh C2 kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt hưởng án treo.

Ngày 02/10/2025, các bị cáo Phạm T3, Huỳnh Ngọc V, Lê Thanh T4, Vũ Văn Đ1 kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt hưởng án treo.

Ngày 25/9/2025, bị cáo Phạm Quang S kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt hưởng án treo.

Ngày 30/9/2025, bị cáo Nguyễn Minh Đ kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt hưởng án treo.

Ngày 01/10/2025, bị cáo Trương Ngọc K1 kháng cáo xin xem xét hưởng án treo.

Ngày 06/10/2025, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần ô tô G kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 183/2025/HS-ST ngày 22/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực A – Tp.HCM nhận định, kiến nghị xem xét trách nhiệm của Ban giám đốc Công ty là không phù hợp quy định của pháp luật gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo Nguyễn Đình T nộp thêm số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Trí K nộp số tiền 7.602.985 đồng tiền thu lợi bất chính mà án sơ thẩm tuyên bị cáo còn phải nộp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 183/2025/HS-ST ngày 22/9/2025 của Toà án nhân dân Khu vực A – Tp.HCM.

Các bị cáo Nguyễn Đình T, Dương Hiếu L, Nguyễn Trí K, Lê Mậu Tuấn P, Lương Quang T1, Trần Lê Duy L1, Giang Thiệu C, Lê Nguyễn Minh T2, Nguyễn Minh Q, Lâm Trung N, Nguyễn Thanh C2, Phạm T3, Phạm Quang S, Huỳnh Ngọc V, Nguyễn Minh Đ, Lê Hoàng V1, Lê Thanh T4, V Văn Đường, Trương Ngọc K1 giữ nguyên nội dung kháng cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần G giữ nguyên nội dung kháng cáo về nhận định, kiến nghị xem xét trách nhiệm của Ban giám đốc công ty là không phù hợp vì Công ty không biết và không liên quan đến hành vi đưa hối lộ của ông Thịnh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu:

Rút toàn bộ nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 183/2025/HS-ST ngày 22/9/2025 của Toà án nhân dân Khu vực A – Tp.HCM.

Sau khi xem xét tất cả các lời khai, tình tiết trong hồ sơ vụ án nhận thấy Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “Nhận hối lộ” và “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại điểm a, c, đ khoản 2 Điều 354, điểm b, c khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bị cáo Trương Ngọc K1 phạm tội “Nhận hối lộ” quy định tại điểm a, c, đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bị cáo Dương Hiếu L, Nguyễn Minh Q, Lâm Trung N, Nguyễn Thanh C2, Lê Mậu Tuấn P, Phạm Quang S, Phạm T3, Nguyễn Trí K, Giang Thiệu C, Lê Nguyễn Minh T2, Trần Lê Duy L1, Lương Quang T1, Huỳnh Ngọc V, Lê Hoàng V1, Nguyễn Minh Đ phạm tội “Nhận hối lộ” quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bị cáo Lê Thanh T4 phạm tội “Đưa hối lộ” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Bị cáo Vũ Văn Đ1 phạm tội “Đưa hối lộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Bản án sơ thẩm nhận định các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có đơn xin ở lại làm việc, tích cực hợp tác, khai báo với cơ quan điều tra để làm sáng tỏ vụ án, đây là tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

+ Các bị cáo Vũ Văn Đ1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm, nhẹ quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra tất cả các bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, bị cáo Trương Ngọc K1, Vũ Văn Đ1 ra đầu thú; các bị cáo Nguyễn Đình T có ông cố ngoại Phạm Văn T là liệt sỹ, có công với cách mạng, bà cố nội Vũ Thị L là bà mẹ Việt Nam anh hùng; bị cáo Dương Hiếu L có vợ là ông Trần Văn H, cậu là ông Hồ Tứ H là người có công với cách mạng; bị cáo Lương Quang T1 có cha là ông Lương Văn T là người có công với cách mạng; bị cáo Lê Mậu Tuấn P có mẹ vợ là bà Trần Thị N là người có công với cách mạng; bị cáo Trương Ngọc K1 có cha ruột là Trương Văn B là người có công với cách mạng được Chủ tịch Nước tặng Huân chương kháng chiến và ra đầu thú; bị cáo Lê Nguyễn Minh T2 có cha ruột là Lê Trung C được Chủ tịch Nước tặng Huy chương vì an ninh tổ quốc; bị cáo Nguyễn Trí K có bác tên Văn Phú V là người có công với cách mạng; bị cáo Phạm T3 có ông nội tên Phạm H là người có công với cách mạng; bị cáo Nguyễn Minh Q có bà nội vợ tên Nguyễn Thị M là người có công với cách mạng; bị cáo Nguyễn Thanh C2 có cha ruột là ông Nguyễn Văn N là người có công với cách mạng; bị cáo Phan Thành M đang bị bệnh nặng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nhận thấy bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên để xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

Riêng đối với các bị cáo Nguyễn Đình T, Dương Hiếu L, Trương Ngọc K1, Nguyễn Minh Q, Lê Trung N, Nguyễn Thanh C2, Lê Mậu Tuấn P, Phạm Quang S, Phạm T3, Nguyễn Trí K, Giang Thiệu C, Lê Nguyễn Minh T2, Trần Lê Duy L1, Lương Quang T1, Huỳnh Ngọc V, Lê Hoàng V1, Nguyễn Minh Đ đã khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng bản án sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho các bị cáo là không đúng quy định.

Sau phiên tòa sơ thẩm các bị cáo trong vụ án không có ý kiến về tội danh, điều luật áp dụng, chỉ kháng cáo xin xem xét giảm mức hình phạt và xin được hưởng án treo. Xét kháng cáo của các bị cáo:

* Đối với bị cáo Nguyễn Đình T: Bị cáo được áp dụng điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, sau khi kháng cáo bị cáo bổ sung tài liệu chứng minh quá trình công tác được Bộ Giao thông vận tải tặng Kỷ niệm chương về sự nghiệp phát triển và nhiều Giấy khen trong quá trình công tác, bị cáo tự nguyện tiếp tục khắc phục hậu quả số tiền 20.000.000 đồng (bản án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo nộp 1.790.991 đồng) là tình tiết mới quy định tại điểm v khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy: mặc dù bị cáo không được áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (nộp tiền khắc phục hậu quả là tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51) tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, t, v khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, trong đó có điểm v khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là tình tiết mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét, do đó có căn cứ xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo. Đối với yêu cầu xin hưởng án treo: do bị cáo bị xét xử về 02 tội với vai trò chính trong vụ án nên không đủ điều kiện được hưởng án treo.

* Đối với bị cáo Dương Hiếu L: tương tự như bị cáo T, bị cáo không được áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 nhưng bị cáo bổ sung tài liệu chứng minh quá trình công tác được Bộ Giao thông vận tải tặng Kỷ niệm chương về sự nghiệp phát triển và nhiều Giấy khen trong quá trình công tác nên được áp dụng điểm s, t, v khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, trong đó điểm v khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là tình tiết mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét, do đó có căn cứ xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

* Đối với nhóm chuyên trưởng: các bị cáo Trương Ngọc K1, Lê Mậu Tuấn P, Lương Quang T1, Nguyễn Trí K: không được áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà chỉ được áp dụng khoản 2 Điều 51 đối với việc các bị cáo nộp tiền khắc phục hậu quả; Bị cáo K1 và bị cáo T1 bổ sung tài liệu chứng minh được Bộ Giao thông vận tải tặng Kỷ niệm chương về sự nghiệp phát triển ngành GTVT. Bị cáo T1 có đóng góp xây dựng trường cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn được tỉnh đoàn Tây Ninh biểu dương; Bị cáo K1 được Giấy khen Đảng viên trong quá trình công tác. Tuy nhiên với vai trò là chuyên trưởng, người chịu trách nhiệm kiểm định và phê duyệt kết quả kiểm định của các Đăng kiểm viên trước khi trình lên Phó giám đốc, Giám đốc duyệt ký nên Trương Ngọc K1, Lê Mậu Tuấn P, Lương Quang T1, Nguyễn Trí K đã trực tiếp móc nối, thỏa thuận với các chủ phương tiện đem xe đến trung tâm đăng kiểm và chỉ đạo cho các Đăng kiểm viên khi có xe của các chủ phương tiện do P đã móc nối thì bỏ qua các lỗi vi phạm để chấm đạt chuẩn kết quả đăng kiểm đảm bảo an toàn kỹ thuật và nhận hối lộ của các chủ phương tiện khi đến đăng kiểm tại Trung tâm... các bị cáo K1, P, T1, K phải chịu trách nhiệm cao hơn các Đăng kiểm viên trong chuyên kiểm định.

Nhận thấy vai trò của các bị cáo trong vụ án là chủ chốt nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung; Xét mức hình phạt bản án sơ thẩm tuyên phạt mỗi bị cáo 03 năm tù là đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, vai trò của từng bị cáo trong vụ án và đã phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

* Đối với nhóm bị cáo là đăng kiểm viên:

- Bị cáo Huỳnh Ngọc V, Nguyễn Thanh C2, Nguyễn Minh Q, Nguyễn Minh Đ, Lê Hoàng V1, Lâm Trung N, Lê Nguyễn Minh T2, Phạm Quang S, Phạm T3, Trần Lê Duy L1, Giang Thiệu C không được áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà chỉ được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

đối với việc các bị cáo nộp tiền khắc phục hậu quả. Ngoài ra các bị cáo có thêm các tài liệu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo V nộp Giấy khen của Công đoàn ngành giao thông vận tải cho bị cáo trong quá trình công tác; bị cáo T2 có cha ruột là Lê Trung C được Chủ tịch Nước tặng Huy chương vì an ninh tổ quốc, bị cáo Nguyễn Minh Q có bà nội vợ tên Nguyễn Thị M là người có công với cách mạng; bị cáo Nguyễn Thanh C2 có cha ruột là ông Nguyễn Văn N là người có công với cách mạng. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tài liệu trong hồ sơ thể hiện các bị cáo có vai trò thứ yếu, đã chủ động nộp toàn bộ số tiền đã nhận, tích cực hợp tác với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm nên xét giảm thêm cho các bị cáo một phần hình phạt là phù hợp. Do đó chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo nhưng không chấp nhận cho các bị cáo hưởng án treo.

* Đối với nhóm bị cáo phạm tội Đưa hối lộ:

Đối với bị cáo Vũ Văn Đ1: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực hợp tác, khai báo với cơ quan điều tra để làm sáng tỏ vụ án, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, bị cáo Đường phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Ngoài ra tài liệu trong hồ sơ thể hiện bị cáo tự đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Btự thú là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét (bản án chỉ áp dụng khoản 2 Điều 51 là không chính xác) nên áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Lê Thanh T4 quá trình kháng cáo bị cáo cung cấp tài liệu được khen thưởng gương người tốt việc tốt tại địa phương, có bà nội là người có công với cách mạng đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy các bị cáo T4, Đ1 có thêm tình tiết giảm nhẹ mới tuy nhiên hình phạt bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với kháng cáo của Công ty Cổ phần Ô tô G: Quá trình điều tra xác định Đặng Quang T5 là nhân viên công ty cổ phần ô tô G (hiện nay T5 đã bỏ trốn) thỏa thuận với Lương Quang T1 (Đăng kiểm viên Trung tâm S) khi xe của Công ty cổ phần ô tô G đến nghiệm thu cải tạo và kiểm định thì T5 sẽ đưa số tiền là 1.600.000 đồng/01 lượt xe. Qua hồ sơ xác định, có 49 lượt phương tiện xe ô tô của Công ty cổ phần ô tô G đến Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới S để nghiệm thu cải tạo xe cơ giới và kiểm định. Tổng số tiền T5 đã đưa cho T1 là 78.400.000 đồng, trong đó có đưa tiền mặt và chuyển khoản.

Do hiện nay T5 đã bỏ trốn, chưa làm việc được với T 5 nên chưa xác định được trách nhiệm của Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần ô tô G. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm đối với T5 để tiếp tục xác minh làm rõ vai trò của T5 và

Ban giám đốc Công ty Cổ phần G, nên kiến nghị của Bản án sơ thẩm là có căn cứ, do đó kháng cáo của Công ty Cổ phần G đề nghị sửa bản án phần kiến nghị xem xét đối với Ban giám Công ty Cổ phần ô tô G là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định như đã nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Đình T, Dương Hiếu L, tuyên phạt bị cáo T từ 04 năm 06 tháng đến 5 năm tù về tội “Nhận hối lộ”, 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ trong khi thi hành công vụ”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội, tuyên phạt bị cáo T từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm 06 tháng tù; Tuyên phạt bị cáo Dương Hữu Lợi từ 04 năm đến 04 năm 03 tháng về tội “Nhận hối lộ”.

- Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Huỳnh Ngọc V, Nguyễn Thanh C2, Nguyễn Minh Q, Nguyễn Minh Đ, Lê Hoàng V1, Lâm Trung N, Lê Nguyễn Minh T2, Phạm Quang S, Phạm T3, Trần Lê Duy L1, Giang Thiệu C; Tuyên phạt mỗi bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù về tội “Nhận hối lộ”.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trương Ngọc K1, Lê Mậu Tuấn P, Lương Quang T1, Nguyễn Trí K, tuyên phạt mỗi bị cáo 03 năm tù về tội “Nhận hối lộ”; Không chấp nhận kháng cáo của Lê Thanh T4, V Văn Đường, tuyên phạt bị cáo T4 01 năm 06 tháng tù, bị cáo Đường 09 tháng tù cùng về tội “Đưa hối lộ”.

- Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần ô tô G.

Luật sư Tô Bá T gửi bài bào chữa cho bị cáo Lê Nguyễn Minh T2 nội dung: Thống nhất về tội danh và điều khoản truy tố đối với bị cáo. Đề nghị xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, đã nộp lại tiền thu lợi bất chính, gia đình có công với cách mạng ông ngoại bị cáo được tặng Huân chương kháng chiến, cha bị cáo là chiến sĩ công an được tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang, huy chương vì an ninh tổ quốc, quá trình làm việc bị cáo có thành tích xuất sắc trong chống dịch covid được Sở Giao thông vận tải tặng giấy khen, được biểu dương người tốt, việc tốt, tích cực đóng góp cho phong trào thiện nguyện ở địa phương để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

Luật sư Lê Mạnh C bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trí K trình bày: Số tiền bị cáo đã nhận trong đó chỉ có số ít là tiền đưa hối lộ để bỏ qua vi phạm còn phần lớn là tiền bồi dưỡng. Bị cáo K chỉ là người làm công ăn lương, nhận tiền bồi

dưỡng thụ động không có sự bàn bạc, phân công chỉ đạo của Giám đốc, 4 chuyên kiểm định hoạt động độc lập, không có chỉ đạo từ cấp trên nên chỉ là đồng phạm giản đơn, không phải có tổ chức chặt chẽ như cáo trạng quy kết và án sơ thẩm đã nhận định.

Đồng ý với các tình tiết giảm nhẹ án sơ thẩm đã nhận định. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính, bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác được Sở Giao thông vận tải tặng bằng khen nên đề nghị áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, mẹ già bị bệnh ngồi xe lăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bản thân bị cáo bị bệnh viêm gan siêu vi B, rối loạn tự miễn dịch về tuyến giáp đang điều trị nên xin Hội đồng xét xử xem xét tạo điều kiện cho bị cáo điều trị bệnh. Sau khi bị cơ quan điều tra khởi tố, bị cáo vẫn tiếp tục làm việc tại trung tâm đăng kiểm vì thiếu Đăng kiểm viên có xác nhận của trung tâm đăng kiểm về thời gian làm việc liên tục, chính quyền địa phương cũng xác nhận bị cáo chấp hành tốt tại địa phương. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo chăm sóc gia đình, mẹ già và điều trị bệnh.

Bị cáo Huỳnh Ngọc V trình bày: Bị cáo đang bị bệnh phải đi khám điều trị hàng tháng, nuôi con nhỏ nên xin xem xét cho bị cáo có nhiều giấy khen trong quá trình công tác, từ khi vụ việc bị khởi tố đến nay bị cáo vẫn tiếp tục làm việc tích cực tại Trung tâm đăng kiểm, không xảy ra sai phạm gì được Trung tâm đăng kiểm xác nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Bị cáo Nguyễn Minh Q trình bày: bị cáo có đơn xin tự thú và tự động đến công an tự thú khi chưa bị cơ quan điều tra mời nên xin xem xét thêm tình tiết tự thú cho bị cáo.

Luật sư Tôn Thất Hồ Nào chữa cho bị cáo Giang Thiếu C trình bày: Các bản kết luận điều tra vụ án và Bản cáo trạng kết luận về số tiền bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là khác nhau, không thống nhất, số tiền buộc bị cáo chịu trách nhiệm hình sự 227.050.000 đồng mà cáo trạng số 318 quy kết dựa trên kết luận điều tra nào vì kết luận điều tra chỉ kết luận bị cáo C chịu trách nhiệm hình sự hơn 40 triệu đồng nên xem xét không áp dụng điểm c khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Bị cáo có đơn xin cứu xét xin hưởng án treo, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo, đủ điều kiện hưởng án treo, không thuộc trường hợp cấm cho hưởng án treo theo nghị quyết số 02/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán nên đề nghị xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

Luật sư Nguyễn Thị H bào chữa cho bị cáo Lê Thanh T4 trình bày: Thống nhất về tội danh và điều khoản truy tố đối với bị cáo. K1 chính là người gợi ý T4 việc đưa hối lộ, bị cáo T4 chỉ muốn đưa xe đi kiểm định nhanh chóng, chỉ nghĩ là tiền bồi dưỡng chứ không nghĩ là thực hiện hành vi phạm tội. Các lần T4 chuyển tiền cho K1 là tiền K1 mượn sau đó cản trở vào tiền xét xe nên nếu

không có việc K1 mượn tiền thì T4 sẽ không chuyển tiền cho K1 và sẽ không bị truy tố. Bị cáo T4 không vụ lợi cá nhân, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự phạm tội lần đầu, không có vi phạm pháp luật gì, đang làm việc ổn định tại công ty, ban lãnh đạo của công ty cũng gửi văn bản xin xem xét khoan hồng cho bị cáo và cho hưởng án treo để về lao động trong công ty. Mẹ bị cáo và vợ bị cáo đang bị bệnh phải điều trị, sức khỏe không tốt, bị cáo là người chăm sóc và là lao động chính trong gia đình. Bị cáo đủ các điều kiện được hưởng án treo theo Nghị quyết 01/NQ-HĐTP, Nghị Quyết 02/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về án treo nên đề nghị xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

Luật sư Lê Quang T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty Cổ phần ô tô G trình bày: Hoạt động nâng cấp sửa chữa cải tạo xe của Công ty được nhà nước cấp phép theo quy định. Từ đó công ty ký hợp đồng trọn gói với các công ty, cá nhân để cải tạo, nâng cấp xe trong đó có cả mục đăng kiểm. Quá trình điều tra, bị cáo T1 cũng khai xe của công ty G mới 100% không có lỗi vi phạm gì mục đích nhận tiền để thủ tục đăng kiểm diễn ra nhanh chóng. Ban lãnh đạo công ty giao khoán cho ông T5 đi đăng kiểm và chỉ nhận kết quả sau khi ông T5 thực hiện việc giao khoán, việc giao khoán có quyết định của công ty và lời khai của lãnh đạo công ty. Chi phí giao khoán 3,5 triệu đồng/ xe là phù hợp với quy định pháp luật, và phù hợp với chi phí thông thường. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của Công ty theo hướng huỷ bỏ phần kiến nghị xem xét trách nhiệm ban lãnh đạo công ty.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận:

Đối với ý kiến của bị cáo Q: Việc bị cáo tự ra khai báo ở lại 5 ngày hỗ trợ điều tra cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo rồi, tình tiết này không được xem là tự thú.

Đối với ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo C: cho rằng không áp dụng điểm c khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự là không có cơ sở. Tài liệu trong hồ sơ đã chứng minh các bị cáo trong trạm đăng kiểm cùng chịu chung số tiền nhận hối lộ nên không chấp nhận quan điểm này của Luật sư.

Đối với ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo T4: Tại phiên toà bị cáo K1 xác định tiền T4 chuyển cho K1 là tiền đưa hối lộ chứ không phải tiền mượn. Mức hình phạt đối với bị cáo là đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ.

Đối với ý kiến của Luật sư bảo vệ cho Công ty Cổ phần ô tô G: Cấp sơ thẩm kiến nghị tiếp tục làm rõ xác định có vi phạm thì xử lý chứ hiện chưa xử lý, chưa xác định công ty có trách nhiệm gì ở đây do chưa làm việc được với đối tượng T5 nên kiến nghị tiếp tục xem xét là phù hợp.

Các bị cáo Nguyễn Đình T, Dương Hiếu L, Trương Ngọc K1, Lê Mậu Tuấn P, Lương Quang T1, Trần Lê Duy L1, Lâm Trung N, Nguyễn Thanh C2, Phạm T3, Phạm Quang S, Nguyễn Minh Đ, Lê Hoàng V1, Vũ Văn Đ1 không tranh luận.

Các bị cáo Lê Nguyễn Minh T2, Lê Thanh T4, Nguyễn Trí K, Giang Thiều C thống nhất với phần bào chữa của Luật sư không tranh luận bổ sung.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – TP.HCM, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân Khu vực A – TP.HCM, Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận:

Tại Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới S các bị cáo đã lợi dụng vị trí công tác móc nối, thống nhất với nhau và các chủ phương tiện để nhiều lần nhận tiền từ các chủ phương tiện xe cơ giới để bỏ qua các lỗi vi phạm để kiểm định nhanh và cấp giấy chứng nhận đăng kiểm đảm bảo an toàn kỹ thuật diễn ra thời gian dài, thực hiện nhiều lần và nhận hối lộ với tổng số tiền 409.652.500 đồng để chia nhau hưởng lợi và tiêu xài. Hành vi, vai trò của các bị cáo cụ thể như sau:

1/ Bị cáo Nguyễn Đình T - Giám đốc Trung tâm đăng kiểm 50-01S: Với vai trò là người đứng đầu của Trung tâm Đăng kiểm, T chịu trách nhiệm quản lý điều hành toàn bộ hoạt động của trung tâm Đăng kiểm, biết rõ các Đăng kiểm viên thỏa thuận với các chủ phương tiện để bỏ qua các lỗi vi phạm của các phương tiện và L xác nhận, cấp giấy chứng nhận đạt đăng kiểm để các Đăng kiểm viên nhận hối lộ tổng số tiền 409.652.500 đồng (tiền chịu trách nhiệm hình sự). Trong đó, tổng số tiền bị cáo T hưởng lợi là 163.502.097 đồng.

Ngoài ra, T còn chỉ đạo nhân viên của Trung tâm đăng kiểm Sưu tiên bán bảo hiểm của Công ty Bảo hiểm B, ngoài số tiền chi hoa hồng theo hợp đồng cho Trung tâm đăng kiểm thì T7, N7 còn trích 3% đến 5% trên tổng số tiền bán bảo hiểm ngoài hợp đồng cho riêng T để T hưởng lợi từ năm 2018 đến năm 2022 với tổng số tiền 619.748.130 đồng.

2/ Bị cáo Dương Hiếu L - Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm đăng kiểm 50-01S: Với vai trò là người chịu trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động kiểm định của trung tâm Đăng kiểm, biết rõ các Đăng kiểm viên thỏa thuận với các chủ phương tiện để bỏ qua các lỗi vi phạm và đã trực tiếp xác nhận cấp giấy

chứng nhận đạt chuẩn kiểm định đảm bảo an toàn kỹ thuật để cho các Đăng kiểm viên nhận hồi lộ của các chủ phương tiện với tổng số tiền 305.450.000 đồng (tiền chịu trách nhiệm hình sự) trong đó bị cáo Lợi hưởng lợi số tiền là 49.499.597 đồng.

3/ Bị cáo Trương Ngọc K1 – Đăng kiểm viên: Với vai trò là chuyên trưởng, người chịu trách nhiệm kiểm định và phê duyệt kết quả kiểm định của các Đăng kiểm viên trước khi trình lên Phó giám đốc, Giám đốc duyệt ký nên K1 đã trực tiếp móc nối, thỏa thuận với các chủ phương tiện đem xe đến trung tâm đăng kiểm và chỉ đạo cho các Đăng kiểm viên khi có xe của các chủ phương tiện do K1 đã móc nối thì bỏ qua các lỗi vi phạm để chấm đạt chuẩn kết quả đăng kiểm đảm bảo an toàn kỹ thuật và nhận hồi lộ của các chủ phương tiện khi đến đăng kiểm tại Trung tâm với tổng số tiền 219.350.000 đồng (tiền chịu trách nhiệm hình sự), trong đó, tổng số tiền bị cáo K1 hưởng lợi là 39.747.674 đồng.

4/ Bị cáo Lê Mậu Tuấn P - Đăng kiểm viên: Với vai trò là chuyên trưởng, người chịu trách nhiệm kiểm định và phê duyệt kết quả kiểm định của các Đăng kiểm viên trước khi trình lên Phó giám đốc, Giám đốc duyệt ký nên P đã trực tiếp móc nối, thỏa thuận với các chủ phương tiện đem xe đến trung tâm đăng kiểm và chỉ đạo cho các Đăng kiểm viên khi có xe của các chủ phương tiện do P đã móc nối thì bỏ qua các lỗi vi phạm để chấm đạt chuẩn kết quả đăng kiểm đảm bảo an toàn kỹ thuật và nhận hồi lộ của các chủ phương tiện khi đến đăng kiểm tại Trung tâm với tổng số tiền 219.350.000 đồng (tiền chịu trách nhiệm hình sự). Trong đó, tổng số tiền bị cáo P hưởng lợi là 17.356.960 đồng.

5/ Bị cáo Lương Quang T1 - Đăng kiểm viên: Với vai trò là chuyên trưởng, người chịu trách nhiệm kiểm định và phê duyệt kết quả kiểm định của các Đăng kiểm viên trước khi trình lên Phó giám đốc, Giám đốc duyệt ký; và T1 là cầu nối nhận tiền từ các Đăng kiểm viên để đưa cho bị cáo T với tổng số tiền 59.299.597 đồng. T1 đã trực tiếp móc nối, thỏa thuận với các chủ phương tiện đem xe đến trung tâm đăng kiểm và chỉ đạo cho các Đăng kiểm viên khi có xe của các chủ phương tiện do T1 đã móc nối thì bỏ qua các lỗi vi phạm để chấm đạt chuẩn kết quả đăng kiểm đảm bảo an toàn kỹ thuật và nhận hồi lộ của các chủ phương tiện khi đến đăng kiểm tại Trung tâm với tổng số tiền 289.050.000 đồng (tiền chịu trách nhiệm hình sự). Trong đó, tổng số tiền bị cáo T1 hưởng lợi là 17.983.736 đồng.

6/ Bị cáo Nguyễn Trí K - Đăng kiểm viên: Với vai trò là chuyên trưởng, người chịu trách nhiệm kiểm định và phê duyệt kết quả kiểm định của các Đăng kiểm viên trước khi trình lên Phó giám đốc, Giám đốc duyệt ký nên K đã trực tiếp móc nối, thỏa thuận với các chủ phương tiện đem xe đến trung tâm đăng kiểm và chỉ đạo cho các Đăng kiểm viên khi có xe của các chủ phương tiện do K đã móc nối thì bỏ qua các lỗi vi phạm để chấm đạt chuẩn kết quả đăng kiểm đảm bảo an toàn kỹ thuật và nhận hồi lộ của các chủ phương tiện khi đến đăng kiểm tại Trung tâm với tổng số tiền 227.050.000 đồng (tiền chịu trách nhiệm hình sự). Trong đó, tổng số tiền bị cáo K hưởng lợi là 10.355.384 đồng.

7/ Bị cáo Huỳnh Ngọc V - Đăng kiểm viên: V đã tiếp nhận thông tin nhận diện đặc điểm của các chủ phương tiện khi đưa vào trung tâm đăng kiểm từ các chuyên trưởng K1, T1; khi kiểm định các xe thì ghi vào các phiếu kiểm định đạt chuẩn, V được các Đăng kiểm viên khác chia tiền nhận hối lộ 48 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần sản xuất Nhựa D là 2.223.077 đồng, 49 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần ô tô G 10.570.476 đồng, 78 lượt xe ô tô đăng kiểm lần thứ 2 là 1.495.238 đồng. Tổng số tiền bị cáo Huỳnh Ngọc V phải chịu trách nhiệm hình sự là 298.050.000 đồng, hưởng lợi là 14.288.791 đồng.

8/ Bị cáo Lâm Trung N - Đăng kiểm viên: N đã tiếp nhận thông tin nhận diện đặc điểm của các chủ phương tiện khi đưa vào trung tâm đăng kiểm từ các chuyên trưởng K1, P; khi kiểm định các xe thì ghi vào các phiếu kiểm định đạt chuẩn, N được các Đăng kiểm viên khác chia tiền nhận hối lộ 133 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần sản xuất Nhựa D là 5.503.150 đồng, 02 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải L là 57.143 đồng, 308 lượt xe ô tô đăng kiểm lần thứ 2 là 13.919.743 đồng. Tổng số tiền bị cáo Lâm Trung N phải chịu trách nhiệm hình sự là 219.350.000 đồng, hưởng lợi là 13.919.743 đồng.

9/ Bị cáo Phạm Quang S - Đăng kiểm viên: S đã tiếp nhận thông tin nhận diện đặc điểm của các chủ phương tiện khi đưa vào trung tâm đăng kiểm từ các chuyên trưởng K1, P, T1; khi kiểm định các xe thì ghi vào các phiếu kiểm định đạt chuẩn. S được các Đăng kiểm viên khác chia tiền nhận hối lộ 48 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần sản xuất Nhựa D là 2.513.114 đồng, 24 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải L là 1.054.944 đồng, 214 lượt xe ô tô đăng kiểm lần thứ 2 là 8.663.370 đồng, 01 lượt xe ô tô cải tạo là 13.333 đồng. Tổng số tiền bị cáo Phạm Quang S phải chịu trách nhiệm hình sự là 297.750.000 đồng hưởng lợi là 12.244.761 đồng.

10/ Bị cáo Nguyễn Thanh C2 - Đăng kiểm viên: C2 đã tiếp nhận thông tin nhận diện đặc điểm của các chủ phương tiện khi đưa vào trung tâm đăng kiểm từ các chuyên trưởng K1, P, T1; khi kiểm định các xe thì ghi vào các phiếu kiểm định đạt chuẩn, C2 được các Đăng kiểm viên khác chia tiền nhận hối lộ 160 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần sản xuất Nhựa D là 5.733.571 đồng, 02 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải L là 57.143 đồng, 02 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần ô tô G 46.154 đồng, 194 lượt xe ô tô đăng kiểm lần thứ 2 là 4.645.165 đồng. Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thanh C2 phải chịu trách nhiệm hình sự là 297.750.000 đồng, hưởng lợi là 10.482.033 đồng.

11/ Bị cáo Phạm T3 - Đăng kiểm viên: T3 đã tiếp nhận thông tin nhận diện đặc điểm của các chủ phương tiện khi đưa vào trung tâm đăng kiểm từ các chuyên trưởng K1, P; khi kiểm định các xe thì ghi vào các phiếu kiểm định đạt chuẩn, T3 được các Đăng kiểm viên khác chia tiền nhận hối lộ 47 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần sản xuất Nhựa D là 2.042.710 đồng, 23 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải L là 870.330 đồng, 211 lượt xe ô tô đăng kiểm lần thứ 2 là 7.303.956 đồng. Tổng số tiền Phạm T3 phải chịu trách nhiệm hình sự là 219.350.000 đồng, hưởng lợi là 10.216.996 đồng.

12/ Bị cáo Nguyễn Minh Q - Đăng kiểm viên: Q đã tiếp nhận thông tin nhận diện đặc điểm của các chủ phương tiện khi đưa vào trung tâm đăng kiểm từ các chuyên trưởng K1, P, T1; khi kiểm định các xe thì ghi vào các phiếu kiểm định đạt chuẩn, Q được các Đăng kiểm viên khác chia tiền nhận hồi lộ 162 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần sản xuất Nhựa D là 5.537.692 đồng, 02 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải L là 57.143 đồng, 01 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần ô tô G 23.077 đồng, 197 lượt xe ô tô đăng kiểm lần thứ 2 là 4.770.989 đồng. Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Minh Q phải chịu trách nhiệm hình sự là 297.750.000 đồng, hưởng lợi là 10.388.901 đồng.

13/ Bị cáo Trần Lê Duy L1 - Đăng kiểm viên: L1 đã tiếp nhận thông tin nhận diện đặc điểm của các chủ phương tiện khi đưa vào trung tâm đăng kiểm từ các chuyên trưởng K1, P; khi kiểm định các xe thì ghi vào các phiếu kiểm định đạt chuẩn, L1 được các Đăng kiểm viên khác chia tiền nhận hồi lộ 05 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần sản xuất Nhựa D là 179.945 đồng, 19 lượt xe ô tô của Công ty cổ phần sản xuất thương mại S (Bê tông S) là 947.802 đồng, 03 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải L là 98.095 đồng, 197 lượt xe ô tô đăng kiểm lần thứ 2 là 6.223.260 đồng. Tổng số tiền bị cáo Trần Lê Duy L1 phải chịu trách nhiệm hình sự là 227.050.000 đồng, hưởng lợi là 7.482.894 đồng.

14/ Bị cáo Lê Nguyễn Minh T2 - Đăng kiểm viên: T2 đã tiếp nhận thông tin nhận diện đặc điểm của các chủ phương tiện khi đưa vào trung tâm đăng kiểm từ các chuyên trưởng K1, P; khi kiểm định các xe thì ghi vào các phiếu kiểm định đạt chuẩn. T2 được các Đăng kiểm viên khác chia tiền nhận hồi lộ 05 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần sản xuất Nhựa D là 213.737 đồng, 05 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải L là 159.633 đồng, 177 lượt xe ô tô đăng kiểm lần thứ 2 là 5.771.612 đồng, 17 lượt xe của Công ty cổ phần sản xuất thương mại Sài Gòn là 1.293.131 đồng. Tổng số tiền bị cáo T2 phải chịu trách nhiệm hình sự là 227.050.000 đồng, hưởng lợi là 7.438.113 đồng.

15/ Bị cáo Nguyễn Minh Đ - Đăng kiểm viên: Đ đã tiếp nhận thông tin nhận diện đặc điểm của các chủ phương tiện khi đưa vào trung tâm đăng kiểm từ các chuyên trưởng K1, T1; khi kiểm định các xe thì ghi vào các phiếu kiểm định đạt chuẩn, Đ được các Đăng kiểm viên khác chia tiền nhận hồi lộ 16 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần sản xuất Nhựa D là 179.945 đồng, 44 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần ô tô G 910.037 đồng, 197 lượt xe ô tô đăng kiểm lần thứ 2 là 6.223.260 đồng. Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Minh Đ phải chịu trách nhiệm hình sự là 289.050.000 đồng, hưởng lợi là 6.820.385 đồng.

16/ Bị cáo Lê Hoàng V1 - Đăng kiểm viên: V1 đã tiếp nhận thông tin nhận diện đặc điểm của các chủ phương tiện khi đưa vào trung tâm đăng kiểm từ các chuyên trưởng K1, T1; khi kiểm định các xe thì ghi vào các phiếu kiểm định đạt chuẩn, Việt được các Đăng kiểm viên khác chia tiền nhận hồi lộ 15 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần sản xuất Nhựa D là 588.736 đồng, 38 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần ô tô G 628.718 đồng, 194 lượt xe ô tô đăng kiểm lần thứ 2 là 5.418.864 đồng. Tổng số tiền bị cáo Lê Hoàng V1 phải chịu trách nhiệm hình sự là 289.050.000 đồng, hưởng lợi là 6.633.022 đồng.

17/ Bị cáo Giang Thiệu C - Đăng kiểm viên: C đã tiếp nhận thông tin nhận diện đặc điểm của các chủ phương tiện khi đưa vào trung tâm đăng kiểm từ các chuyên trưởng K1, P; khi kiểm định các xe thì ghi vào các phiếu kiểm định đạt chuẩn, C được các Đăng kiểm viên khác chia tiền nhận hối lộ 03 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần sản xuất Nhựa D là 92.857 đồng, 07 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần dịch vụ vận tải L là 258.535 đồng, 214 lượt xe ô tô đăng kiểm lần thứ 2 là 4.851.832 đồng, 11 lượt xe của Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Sài Gòn là 979.121 đồng. Tổng số tiền bị cáo C phải chịu trách nhiệm hình sự là 227.050.000 đồng, hưởng lợi là 6.182.344 đồng.

18/ Lê Thanh T4 – nhân viên phụ trách đội xe của Công ty cổ phần sản xuất Nhựa D: T4 đã móc nối và thỏa thuận với Trương Ngọc K1 đưa 231 lượt xe ô tô của Công ty Nhựa D đến Trung tâm Đăng kiểm, đã đưa hối lộ cho K1 tổng số tiền 76.050.000 đồng

19/ Vũ Văn Đ1- Phó giám đốc Xí nghiệp cơ khí sửa chữa của Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Sài Gòn: Đường đã móc nối và thỏa thuận với Nguyễn Trí K đưa 22 lượt xe ô tô của Công ty Cổ phần sản xuất thương mại Sài Gòn đến Trung tâm Đăng kiểm, đã đưa hối lộ cho K tổng số tiền 7.700.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Đình T, Trương Ngọc K1 phạm vào tội “Nhận hối lộ: thuộc trường hợp “Có tổ chức” và “Tiền trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”, “Phạm tội 02 lần trở lên”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo Dương Hiếu L, Nguyễn Minh Q, Lâm Trung N, Nguyễn Thanh C2, Lê Mậu Tuấn P, Phạm Quang S, Phạm T3, Nguyễn Trí K, Giang Thiệu C, Lê Nguyễn Minh T2, Trần Lê Duy L1, Lương Quang T1, Huỳnh Ngọc V, Lê Hoàng V1, Nguyễn Minh Đ đã phạm vào tội “Nhận hối lộ” thuộc trường hợp “Có tổ chức” và “Tiền trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự;

Hành vi của bị cáo Lê Thanh T4 đã phạm vào tội: “Đưa hối lộ” thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 364 Bộ luật Hình sự;

Hành vi của bị cáo Vũ Văn Đ1 đã phạm vào tội: “Đưa hối lộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội từ năm 2023, trong thời gian Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực. Tuy nhiên, Luật số 86/2025/QH15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự quy định tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại Điều 354 có lợi hơn tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại Điều 354 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy, căn cứ theo điểm b Điều 4 Luật số 86/2025/QH15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2025, Tòa án áp dụng Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 để xét xử đối

với các bị cáo về tội “Nhận hối lộ”. Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 354 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử đối với các bị cáo nên cần sửa lại cho phù hợp.

[3] Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo xin ở lại làm việc, tích cực hợp tác, khai báo với cơ quan điều tra để làm sáng tỏ vụ án, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

+ Bị cáo Vũ Văn Đ1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng để áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Các bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt. Các bị cáo Nguyễn Đình T có ông cố ngoại Phạm Văn T là liệt sỹ, có công với cách mạng, bà cố nội Vũ Thị L là bà mẹ Việt Nam anh hùng; bị cáo Dương Hiếu L có vợ là ông Trần Văn H, cậu là ông Hồ Tứ H là người có công với cách mạng; bị cáo Lương Quang T1 có cha là ông Lương Văn T là người có công với cách mạng; bị cáo Lê Mậu Tuấn P có mẹ vợ là bà Trần Thị N là người có công với cách mạng; bị cáo Trương Ngọc K1 có cha ruột là Trương Văn B là người có công với cách mạng được Chủ tịch Nước tặng Huân chương kháng chiến và ra đầu thú; bị cáo Lê Nguyễn Minh T2 có cha ruột là Lê Trung C được Chủ tịch Nước tặng Huy chương vì an ninh tổ quốc; bị cáo Nguyễn Trí K có bác tên Văn Phú V là người có công với cách mạng; bị cáo Phạm T3 có ông nội tên Phạm H là người có công với cách mạng; bị cáo Nguyễn Minh Q có bà nội vợ tên Nguyễn Thị M là người có công với cách mạng; bị cáo Nguyễn Thanh C2 có cha ruột là ông Nguyễn Văn N là người có công với cách mạng để áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các bị cáo Nguyễn Đình T, Dương Hiếu L, Trương Ngọc K1, Nguyễn Minh Q, Lâm Trung N, Nguyễn Thanh C2, Lê Mậu Tuấn P, Phạm Quang S, Phạm T3, Nguyễn Trí K, Giang Thiệu C, Lê Nguyễn Minh T2, Trần Lê Duy L1, Lương Quang T1, Huỳnh Ngọc V, Lê Hoàng V1, Nguyễn Minh Đ đã nộp lại tiền thu lợi bất chính để áp dụng tình tiết giảm nhẹ khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là chưa chính xác, việc các bị cáo tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính chỉ được xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Bị cáo Trương Ngọc K1, Vũ Văn Đ1 ra tự thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định các bị cáo K1, Đường đầu thú để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa phù hợp nên cần sửa lại cho đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút toàn bộ nội dung kháng nghị nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 02/QĐ – VKS KVSÁ ngày 06/10/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét kháng cáo của các bị cáo:

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Đình T, Dương Hiếu L là Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm đăng kiểm S, là người điều hành hoạt động, quản lý toàn bộ hoạt động của Trung tâm, ký giấy xác nhận cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn kiểm định đảm bảo an toàn kỹ thuật để cho các Đăng kiểm viên nhận hồi lộ của các chủ phương tiện nên phải chịu trách nhiệm với vai trò chính trong vụ án, số tiền hưởng lợi cũng nhiều hơn các bị cáo trong vụ án nên hình phạt phải cao hơn các bị cáo khác. Tại phiên tòa các bị cáo T, Lợi cung cấp thêm các tình tiết giảm nhẹ mới: Bị cáo Nguyễn Đình T đã tự nguyện nộp thêm số tiền 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả vụ án, bị cáo được Bộ Giao thông vận tải tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển, giấy khen trong quá trình công tác. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại các điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Dương Hiếu L, cung cấp thêm Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển của Bộ Giao thông vận tải, Giấy khen, bằng khen đây là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng nên có căn cứ áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo T, Lợi nhưng không chấp nhận cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo Trương Ngọc K1, Lê Mậu Tuấn P, Lương Quang T1, Nguyễn Trí K với vai trò là chuyên trưởng, người chịu trách nhiệm kiểm định và phê duyệt kết quả kiểm định của các Đăng Kiểm viên trước khi trình lên Giám đốc, Phó Giám đốc, các bị cáo đã trực tiếp móc nối với các chủ phương tiện, trực tiếp nhận tiền và chỉ đạo các Đăng kiểm viên bỏ qua các lỗi vi phạm nên phải chịu trách nhiệm cao hơn các Đăng kiểm viên trong chuyên kiểm định. Quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo Trương Ngọc K1 cung cấp thêm Kỷ niệm chương vì sự nghiệp vì sự nghiệp phát triển của Bộ Giao thông vận tải, Giấy khen, bằng khen; bị cáo Lương Quang T1 cung cấp thêm Kỷ niệm chương vì sự nghiệp vì sự nghiệp phát triển của Bộ Giao thông vận tải, bị cáo có đóng góp trường cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, an sinh xã hội; bị cáo Nguyễn Trí K, đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính còn lại, có giấy khen trong quá trình công tác đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự chưa được xem xét áp dụng nên có căn cứ áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Tuy nhiên, mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo K1, P, T1, K.

Các bị cáo Nguyễn Minh Q, Lâm Trung N, Nguyễn Thanh C2, Phạm Quang S, Phạm T3, Giang Thiệu C, Lê Nguyễn Minh T2, Trần Lê Duy L1, Huỳnh Ngọc V, Lê Hoàng V1, Nguyễn Minh Đ là các Đăng kiểm viên, tiếp

nhận thông tin nhận diện xe từ các chuyên trưởng, bỏ qua các lỗi khi kiểm định để được chia tiền nhận hối lộ. Bị cáo Lê Hoàng V1 cung cấp thêm các tài liệu thể hiện gia đình bị cáo có công với cách mạng, mẹ vợ có giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến, chú ruột có huy chương chiến công hạng 3, mẹ bị cáo có kỷ niệm chương vì sự nghiệp tổ chức công đoàn, kỷ niệm chương vì sức khỏe nhân dân, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, con đang điều trị tự kỷ; bị cáo Huỳnh Ngọc V cung cấp Giấy khen của Sở Giao thông vận tải, ông nội, bà nội của bị cáo tham gia cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bị cáo tham gia chống dịch Covid được Sở Giao thông vận tải tặng bằng khen; bị cáo Nguyễn Thanh C2 được tặng nhiều giấy khen trong quá trình công tác, ba bị cáo tham gia dân công hỏa tuyến; bị cáo Lâm Trung N có ông nội là người có công với cách mạng, được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, Huân chương chiến công hạng nhất, Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng nhất, nhì, ba, giấy khen; bị cáo Lê Nguyễn Minh T2 có ông ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, bị cáo được tặng người tốt việc tốt, bị cáo tham gia chống dịch được Sở Giao thông vận tải tặng bằng khen; bị cáo Phạm T3 gia đình có công cách mạng, có bác ruột là Phạm Văn Châu được tặng Huân chương chiến công hạng ba và là liệt sĩ được tổ quốc ghi công đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước; bị cáo Nguyễn Minh Đ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, ba mẹ tuổi đã cao, mẹ bị cáo hiện đang mắc bệnh u não nên cần người đưa đón chăm sóc và hỗ trợ về tài chính để trị bệnh, bị cáo có đóng góp cho hoạt động thiện nguyện hỗ trợ đồng bào lũ lụt; bị cáo Giang Thiệu C là lao động chính trong gia đình; bị cáo Phạm Quang S gia đình có công cách mạng có ông bà nội là ông Phạm Doãn T và bà Nguyễn Thị N được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo được tặng giấy khen của Sở giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh vì đã có thành tích tốt trong công tác hỗ trợ tham gia phòng chống dịch Covid; bị cáo Trần Lê Duy L1 là lao động chính trong gia đình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự chưa được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng cho các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Minh Q có đơn xin tự thú, có bác Võ Q là liệt sĩ tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cô là Võ Thị Đ được tổ quốc ghi công, là lao động chính trong gia đình nên xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Q.

Bị cáo Vũ Văn Đ1 được giao nhiệm vụ đi đăng kiểm xe, đã đưa hối lộ để được bỏ qua các lỗi vi phạm xe. Bị cáo có đơn xin tự thú. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo nên xem xét áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Minh Q, Lâm Trung N, Nguyễn Thanh C2, Phạm Quang S, Phạm T3, Giang Thiệu C, Lê Nguyễn Minh T2, Trần Lê Duy L1, Huỳnh Ngọc V, Lê Hoàng V1, Nguyễn Minh Đ phạm tội với vai trò thứ yếu, thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên, đã chủ động nộp lại toàn bộ tiền thu lợi bất chính, tích cực hợp tác với cơ quan chức năng trong việc phát hiện và xử lý tội

phạm, số tiền nhận hối lộ được chia không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Vũ Văn Đ1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, r, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, số tiền đưa hối lộ không lớn, phạm tội lần đầu. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian được tại ngoại các bị cáo đều chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương, không vi phạm pháp luật; các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và xác thực văn bản hợp nhất số 03/VBHN-TANDTC ngày 10/7/2025 của Tòa án nhân dân tối cao về Nghị quyết hướng dẫn việc áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

Bị cáo Lê Thanh T4 được giao nhiệm vụ đi đăng kiểm xe, đã đưa hối lộ để được bỏ qua các lỗi vi phạm xe. Bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện bà nội được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất, tham gia thiện nguyện được biểu dương người tốt, việc tốt, được Công ty tặng giấy khen trong quá trình công tác; nên xem xét áp dụng cho bị cáo T4 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nhưng không chấp nhận cho bị cáo hưởng án treo.

Xét kháng cáo của Công ty cổ phần ô tô G:

Hiện chưa tiến hành làm việc lấy lời khai của đối tượng Đặng Quang T5 để làm rõ trách nhiệm của các bên liên quan nên kiến nghị của Tòa án cấp sơ thẩm liên quan đến Ban lãnh đạo của Công ty cổ phần ô tô G là phù hợp. Do đó, không chấp nhận của Công ty cổ phần ô tô G.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 02/QĐ – VKS KVA ngày 06/10/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Đình T, Dương Hiếu L, Lê Thanh T4, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nhưng không chấp nhận yêu cầu xin hưởng án treo của các bị cáo.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Minh Q, Lâm Trung N, Nguyễn Thanh C2, Phạm Quang S, Phạm T3, Giang Thiệu C, Lê Nguyễn Minh T2, Trần Lê Duy L1, Huỳnh Ngọc V, Lê Hoàng V1, Nguyễn Minh Đ, Vũ Văn Đ1. Giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Trương Ngọc K1, Lê Mậu Tuấn P, Lương Quang T1, Nguyễn Trí K và Công ty cổ phần ô tô G.

Các bị cáo được chấp nhận kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Đối với số tiền thu lợi bất chính do bị cáo Nguyễn Đình T và Nguyễn Trí K đã nộp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Đối với số tiền bị cáo Nguyễn Đình T nộp dư bị cáo T đồng ý nộp vào ngân sách nhà nước nên ghi nhận.

Ghi nhận các bị cáo Nguyễn Đình T và Nguyễn Trí K đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính theo án sơ thẩm đã tuyên.

Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 342; Điều 355; khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh về việc tăng hình phạt đối với các bị cáo Dương Hiếu L, Trương Ngọc K1, Lê Mậu Tuấn P, Lương Quang T1, Nguyễn Trí K, Nguyễn Minh Q, Lâm Trung N, Nguyễn Thanh C2, Phạm Quang S, Phạm T3, Giang Thiệu C, Lê Nguyễn Minh T2, Trần Lê Duy L1, Huỳnh Ngọc V, Nguyễn Minh Đ, Lê Hoàng V1, Lê Thanh T4.

II. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần ô tô G và các bị cáo Trương Ngọc K1, Lê Mậu Tuấn P, Lương Quang T1, Nguyễn Trí K. Giữ nguyên mức hình phạt đối với các bị cáo.

III. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình T, Dương Hiếu L, Lê Thanh T4, Nguyễn Minh Q, Lâm Trung N, Nguyễn Thanh C2, Phạm Quang S, Phạm T3, Giang Thiệu C, Lê Nguyễn Minh T2, Trần Lê Duy L1, Huỳnh Ngọc V, Lê Hoàng V1, Nguyễn Minh Đ, V Văn Đường.

Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 183/2025/HS-ST ngày 22/9/2025 của Toà án nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm a, c, đ khoản 2 Điều 354; điểm b, c khoản 2 Điều 356; Điều 17; Điều 38; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025;

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T: 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ”; 02 (hai) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội danh là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ điểm a, c, đ khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 38; điểm s, t, v, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025:

2. Xử phạt bị cáo Trương Ngọc K1: 03 (ba) năm tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/4/2023 đến ngày 02/9/2023.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 38; điểm v, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025:

3. Xử phạt bị cáo Dương Hiếu L: 04 (bốn) năm tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 38; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025:

4. Xử phạt bị cáo Lê Mậu Tuấn P: 03 (ba) năm tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 38; điểm v, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025:

5. Xử phạt bị cáo Lương Quang T1: 03 (ba) năm tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 38; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025:

6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trí K: 03 (ba) năm tù về tội “Nhận hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 65; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025;

7. Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc V: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ” nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Huỳnh Ngọc V cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 65; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025;

8. Xử phạt bị cáo Phạm Quang S: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ” nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Quang S cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường L, Thành phố Hồ Chí Minh để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 65; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025;

9. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh C2: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ” nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh C2 cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 65; điểm s, t, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025;

10. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Q: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ” nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Minh Q cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 65; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025;

11. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ” nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Minh Đ cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 65; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025;

12. Xử phạt bị cáo Lê Hoàng V1: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ” nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Hoàng V1 cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 65; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025;

13. Xử phạt bị cáo Lâm Trung N: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ” nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lâm Trung N cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 65; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025;

14. Xử phạt bị cáo Phạm T3: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ” nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm T3 cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 65; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025;

15. Xử phạt bị cáo Trần Lê Duy L1: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ” nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Lê Duy L1 cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân xã V, Thành phố Hồ Chí Minh để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 65; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025;

16. Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Minh T2: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ” nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Nguyễn Minh T2 cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 354; Điều 17; Điều 65; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025;

17. Xử phạt bị cáo Giang Thiệu C: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Nhận hối lộ” nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Giang Thiệu C cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 364; Điều 38; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

18. Xử phạt bị cáo Lê Thanh T4: 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Đưa hối lộ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 364; Điều 65; điểm i, s, t, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

19. Xử phạt bị cáo Vũ Văn Đ1: 09 (chín) tháng tù về tội “Đưa hối lộ” nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Vũ Văn Đ1 cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 27.602.985 (Hai mươi bảy triệu sáu trăm lẻ hai nghìn chín trăm tám mươi lăm) đồng theo các biên lai thu tiền số 0012259 ngày 23/12/2025; biên lai thu tiền số 0011736 ngày 16/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh

Ghi nhận các bị cáo Nguyễn Đình T, Nguyễn Trí K đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính.

3. Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và căn cứ Điều 22 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Đình T, Dương Hiếu L, Lê Thanh T4, Nguyễn Minh Q, Lâm Trung N, Nguyễn Thanh C2, Phạm Quang S, Phạm T3, Giang Thiều C, Lê Nguyễn Minh T2, Trần Lê Duy L1, Huỳnh Ngọc V, Lê Hoàng V1, Nguyễn Minh Đ, Vũ Văn Đ1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Trương Ngọc K1, Lê Mậu Tuấn P, Lương Quang T1, Nguyễn Trí K và Công ty cổ phần ô tô G phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo).

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND khu vực A – TP.HCM; (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND khu vực A – TP.HCM; (1)
- P.PV06 – CA Tp.HCM; (1)
- P. THADS KV A – TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (19)
- Luật sư; (5)
- Công ty CP Ô tô G; (1)
- Cơ quan CSĐT CATP.HCM; (1)
- Cơ quan THAHS; (19)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (59) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên